

Số: 502/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 09 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 57, Điều 58 và Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân thụ lý số: 504/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Nguyễn Quốc L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Kiệt C N, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chị Phạm Thị N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu D, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 31/5/2024, Tòa án nhân dân thành phố Huế nhận được đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, đối với người yêu cầu anh **Nguyễn Quốc L** và chị **Phạm Thị N**. Yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Nguyễn Quốc L** và chị **Phạm Thị N**.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên là **Nguyễn Quốc M**, sinh ngày 06/10/2013.

Hai bên thỏa thuận, khi ly hôn giao con chung **Nguyễn Quốc M**, sinh ngày 06/10/2013 cho chị **Phạm Thị N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi. Anh **Nguyễn Quốc L** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con một tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu thành niên, đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Quốc L và chị Phạm Thị N tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Quốc L và chị Phạm Thị N xác nhận quá trình chung sống không có nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tổ chức hòa giải nhưng hòa giải đoàn tụ không thành. Tại biên bản hòa giải ngày 01 tháng 7 năm 2024, anh L, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu như ban đầu và yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn và thoả thuận của các bên đương sự. Cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc L và chị Phạm Thị N.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Quốc M, sinh ngày 06/10/2013.

Hai bên thoả thuận, khi ly hôn giao con chung Nguyễn Quốc M, sinh ngày 06/10/2013 cho chị Phạm Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Quốc L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con một tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu thành niên, đủ 18 tuổi. (Hiện nay cháu M đang ở với chị N).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi ích của con anh Nguyễn Quốc L và chị Phạm Thị N có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Quốc L và chị Phạm Thị N tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Quốc L và chị Phạm Thị N xác nhận quá trình chung sống không có nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Các đương sự chịu 300.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn. Hai bên thoả thuận mỗi bên chịu 150.000 đồng.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Quốc L và chị Phạm Thị N.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên là Nguyễn Quốc M, sinh ngày 06/10/2013.

Hai bên thỏa thuận, giao con chung là cháu Nguyễn Quốc M, sinh ngày 06/10/2013 cho chị Phạm Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Quốc L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con một tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến lúc cháu thành niên, đủ 18 tuổi. (Hiện nay cháu M đang ở với chị N).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi ích của con anh Nguyễn Quốc L và chị Phạm Thị N có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Quốc L và chị Phạm Thị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Quốc L và chị Phạm Thị N xác nhận quá trình chung sống không có nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Các đương sự chịu 300.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn. Hai bên thỏa thuận anh L chịu 150.000 đồng, chị N chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên

lai số 0004147 ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh Nguyễn Quốc L và chị Phạm Thị N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- Dương sự;
- VKSND tp Huế;
- UBND phường Phú Hoà(nay là phường Đông Ba), tp Huế (ĐKKH số 45, ngày 05/11/2013);
- TAND tỉnh TT-Huế;
- Chi cục THADS tp Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

NGUYỄN HƯƠNG LAN